

SỐ: 29/QĐ-ĐHVH

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định thực hiện
Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHVH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung**

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHVH ngày 30/5/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCN Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-ĐHVH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc ban hành Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-ĐHVH ngày 29 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHVH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung;

Theo đề nghị của ông Phụ trách phòng Đào tạo, Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế;

Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHVH.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-ĐHVH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung như sau:

1. Điều 12 được bổ sung thêm Khoản 4 như sau:

“4. Những sinh viên thuộc diện học lại được quy định tại mục 1 và mục 2 điều này sẽ không phải đóng học phí học lại đối với các học phần đã đăng ký, ngược lại những sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần (do nghỉ học quá số tiết quy định theo quy chế) hoặc sinh viên tham gia thi kết thúc học phần vi phạm quy chế thi ở mức bị đình chỉ thi trở lên phải đóng học phí học lại đối với các học phần đã đăng ký như đối với sinh viên đăng ký học phần mới (mức thu theo quy định hiện hành của Nhà trường).”

2. Khoản 1 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính được dự thi một lần ở kỳ thi phụ và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Sinh viên tham dự kỳ thi phụ nếu không vi phạm quy chế thi ở mức bị đình chỉ thi trở lên thì không phải đóng lệ phí thi lại học phần đã đăng ký.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Điều 3. Các Ông/Bà trưởng các đơn vị liên quan, giảng viên và sinh viên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các P.Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website nhà trường;
- Lưu VT, ĐT-CTHSSV.


Nguyễn Đức Trí

Văn bản hợp nhất:

QUY ĐỊNH Thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo thực hiện trong trường, với khối lượng kiến thức tối thiểu đối với các trình độ như sau: trình độ đại học 5 năm là 150 tín chỉ, trình độ đại học 4 năm là 120 tín chỉ và trình độ cao đẳng 3 năm là 90 tín chỉ (khối lượng kiến thức tối thiểu là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được ở mỗi trình độ đào tạo, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng

như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

4. Việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp được qui định trong “Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường ĐHCN Việt-Hung” hiện hành.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của nhà trường được tính từ 7 giờ đến 21 giờ hằng ngày.

Tuỳ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất, Trường khoa sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp học tập theo thời gian quy định như sau:

Buổi	Tiết học	Thời gian
Sáng	Tiết 1	7h00 - 7h50
	Tiết 2	7h55 - 8h45
	Tiết 3	8h50 - 9h40
	Tiết 4	9h50 - 10h40
	Tiết 5	10h45 - 11h35
Chiều	Tiết 6	12h30 - 13h20
	Tiết 7	13h25 - 14h15
	Tiết 8	14h20 - 15h10

	Tiết 9	15h20 - 16h10
	Tiết 10	16h15 - 17h05
Tối	Tiết 11	17h20 - 18h10
	Tiết 12	18h15 - 19h05
	Tiết 13	19h15 - 20h05
	Tiết 14	20h10 - 21h00

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (trừ các học phần kỹ năng bổ trợ) với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

Tùy thuộc chương trình đào tạo, khóa học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường khoa dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ thông qua kế hoạch đào tạo năm học được Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến 4 năm.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên của trường.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a. Thẻ sinh viên;
- b. Sổ đăng ký học tập;
- c. Phiếu nhận cố vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được khoa cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, quy chế công tác sinh viên, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Nếu điểm trúng tuyển được xác định theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Nếu điểm trúng tuyển được xác định theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển, đầu khoá học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Trường khoa quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp

học tùy theo từng loại học phần của khoa được giảng dạy trong học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập.

1. Đầu mỗi năm học, khoa phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ (trừ học kỳ thứ nhất), tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với khoa qua trang web daotao.viu.edu.vn. Có 03 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn:

a. *Đăng ký sớm*: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tháng; thời hạn đăng ký 1 tháng kể từ khi thông báo; áp dụng cho tất cả sinh viên.

b. *Đăng ký bình thường*: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 01 tháng; thời hạn đăng ký 15 ngày kể từ ngày ra thông báo; áp dụng cho những sinh viên chưa đăng ký.

c. *Đăng ký muộn*: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tuần; thời hạn đăng ký 10 ngày kể từ ngày ra thông báo; áp dụng cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b. 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Khoa chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do cố vấn học tập lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong

thời hạn của hình thức đăng ký sớm (điểm a, khoản 2, Điều 10). Ngoài thời hạn quy định trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của khoa và kết quả xin rút được hệ thống phần mềm quản lý nhà trường chấp thuận.

2. Sau khi hết hạn đăng ký khối lượng học tập theo hình thức đăng ký muộn, khoa tiến hành khóa danh sách lớp học phần, sinh viên phải nộp đầy đủ học phí của những học phần đã đăng ký trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày khóa danh sách lớp.

Những học phần sinh viên đã đăng ký mà không nộp học phí sau khi đã hết hạn thì phải nhận điểm N* (Nợ) học phần đó. Sinh viên muốn đăng ký học lại học phần này phải đóng học phí cho cả lần đăng ký trước.

Những học phần sinh viên đã đăng ký và đóng học phí mà không học thì được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F học phần đó.

Sinh viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn phải làm đơn (theo mẫu quy định chung) từ đầu học kỳ có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú (xã, phường) hoặc các minh chứng hợp pháp, nộp về Khoa quản lý để Trường khoa xem xét cho lùi thời hạn nộp học phí nhưng tối đa không quá 2 tháng tính từ đầu học kỳ; Khoa trình Hiệu trưởng xem xét quyết định; nếu được chấp nhận phải nộp về phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên để xử lý điều kiện dự thi (nếu học phần thi sớm), thông báo lại cho cố vấn học tập và sinh viên biết để thực hiện.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+ hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D hoặc D+ để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên được sử dụng điểm học phần cao nhất trong các lần học để tính điểm trung bình chung tích lũy nếu sinh viên có đơn, được Trường khoa chấp nhận và đề xuất phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên xem xét trình Hiệu trưởng quyết định. Điểm học phần cao nhất của sinh viên được cập nhật trực tiếp vào hệ thống quản lý bởi Quản trị phần mềm.

4. Những sinh viên thuộc diện học lại được quy định tại mục 1 và mục 2 điều này sẽ không phải đóng học phí học lại đối với các học phần đã đăng ký, ngược lại những sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần (do nghỉ học quá số tiết quy định theo quy chế) hoặc sinh viên tham gia thi kết thúc học phần vi phạm quy chế thi ở mức bị đình chỉ thi trở lên phải đóng học phí học lại đối với các học phần đã đăng ký như đối với sinh viên đăng ký học phần mới (mức thu theo quy định hiện hành của Nhà trường).

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng tín chỉ tích lũy dưới 30 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng tín chỉ tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng tín chỉ tích lũy từ 60 tín chỉ đến 100 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng tín chỉ tích lũy lớn hơn 100 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b. Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a. Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b. Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên điều kiện sau:

Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

Số lần cảnh báo kết quả học tập trong 01 khóa học không quá 2 lần đối với bậc cao đẳng, không quá 3 lần đối với bậc đại học, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a. Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại Khoản 1, Điều này;

b. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 của quy định này;

c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại Khoản 2, Điều 28 của quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các Điểm a,b, Khoản 2, Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 3, Điều 6 của quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b. Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d. Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b. Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b. Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số bằng **65%**, cụ thể như sau:

$$\mathbf{ĐHP = 10\% ĐCC + 25\%ĐTX + 65\% ĐKT}$$

Trong đó:

ĐHP: Điểm học phần.

ĐCC: Điểm chuyên cần.

ĐTX: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm thảo luận; điểm đánh giá phân thực hành, điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận.

ĐKT: Điểm thi kết thúc học phần.

Hình thức đánh giá điểm quá trình học tập và các loại điểm bộ phận được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự trên 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, thực hành, bài tập và thảo luận,..) và thực hiện đầy đủ các yêu cầu bắt buộc của học phần đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

2. Đối với các học phần làm đồ án môn học, bài tập lớn, tiểu luận:

$$\mathbf{ĐHP = 35\% ĐQT + 65\% ĐKT}$$

Trong đó:

ĐHP: Điểm học phần.

ĐQT: Điểm quá trình (ý thức thái độ, chuyên cần,...) thực hiện bài tập lớn, tiểu luận.

ĐKT: Điểm chấm hoặc bảo vệ đồ án môn học, tiểu luận, bài tập lớn.

3. Đối với các học phần thực hành:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

4. Đối với các học phần thực tập cuối khóa học:

$$\mathbf{ĐHP = 35\% ĐQT + 65\% ĐKT}$$

Trong đó:

ĐHP: Điểm học phần thực tập.

ĐQT: Điểm quá trình thực tập (ý thức thái độ, chuyên cần,...)

ĐKT: Điểm chấm hoặc bảo vệ báo cáo thực tập.

5. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính được dự thi một lần ở kỳ thi phụ và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. **Sinh viên tham dự kỳ thi phụ nếu không vi phạm quy chế thi ở mức bị đình chỉ thi trở lên thì không phải đóng lệ phí thi lại học phần đã đăng ký.**

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và đảm bảo tối thiểu 2/3 ngày cho một tín chỉ.

3. Những học phần kết thúc sớm, được tổ chức thi sớm nhất là sau khi kết thúc lịch giảng dạy học phần một tuần.

4. Những học phần có nhiều lớp học phần cùng học trong một kỳ, thi kết thúc học phần được tổ chức vào cùng một thời điểm.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo **Quy định riêng**.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi trắc nghiệm online, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, đồ án môn học, thi tự luận, thi vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của trưởng khoa và phải được thể hiện ngay trong đề cương chi tiết học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành hoặc việc chấm tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm; thời gian lưu giữ các bài thi, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

4. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

5. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt và không đạt:

Loại		Điểm chữ	Thang điểm 10	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	A ⁺	9,0 - 10,0	4,0
		A	8,5 - 8,9	3,7
	Khá	B ⁺	8,0 - 8,4	3,5
		B	7,0 - 7,9	3,0
	Trung bình	C ⁺	6,5 - 6,9	2,5
		C	5,5 - 6,4	2,0
Trung bình yếu	D ⁺	5,0 - 5,4	1,5	
	D	4,0 - 4,9	1,0	
Không đạt	Kém	F	dưới 4,0	0

b. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

c. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm “0”;

b. Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c. Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở Khoản 3, Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b. Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Quản lý đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b. Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như bảng quy đổi tại Điều a, Khoản 2, Điều 22 của quy định này.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung năm học để xét thi đua, khen thưởng sau mỗi năm học. Điểm trung bình chung tích lũy để xét cảnh báo, xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp và được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên được phép đăng ký làm đề án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a. Sinh viên được làm đề án tốt nghiệp (đối với khối ngành công nghệ kỹ thuật), khóa luận tốt nghiệp (đối với khối ngành kinh tế) khi đạt mức quy định tại Khoản 2, Điều này. Đề án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ cho trình độ đại học; trình độ cao đẳng không làm đề án, khóa luận tốt nghiệp mà học bổ sung một số học phần chuyên môn với khối lượng 5 tín chỉ;

b. Những sinh viên không được giao làm đề án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn thay thế theo quy định cho từng chương trình đào tạo, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Điều kiện, hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp như sau:

a. Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

- Sinh viên đã tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo của khóa học tính đến thời điểm xét (trừ học phần Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng - an ninh); Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ **2.5** trở lên và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

- Mức điểm trung bình chung tích lũy cho mỗi lần giao đề tài do Trường khoa quyết định nhưng không thấp hơn mức quy định trên.

- Trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định theo đề xuất của Trường khoa.

b. Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là hình thức nghiên cứu khoa học giúp sinh viên vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tích lũy được trong quá trình tham gia học tập để giải quyết một vấn đề thực tế đang đặt ra đối với lĩnh vực chuyên môn có liên quan (đòi hỏi sinh viên phải có khả năng và tư duy sáng tạo, phát hiện vấn đề); đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải được trình bày mạch lạc, rõ ràng không tẩy xóa, sửa chữa, không sao chép, trùng lặp nội dung với các đề tài đã có; trình bày trên khổ giấy A4 với khoảng 25.000 đến 40.000 từ.

Thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp tối thiểu là 10 tuần, tối đa không quá 15 tuần tùy theo ngành đào tạo. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, khoa có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa. Kết thúc thời gian quy định, sinh viên phải hoàn thành việc làm đồ án, khóa luận được giao và nộp 01 quyển Báo cáo tốt nghiệp cho Trường bộ môn, 01 quyển cho giảng viên hướng dẫn (hoặc đĩa CD/DVD nếu giảng viên hướng dẫn yêu cầu).

Sinh viên khóa sau học vượt được quyền đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo quy định trên nếu đáp ứng đủ các điều kiện tại Mục a, Khoản 2, Điều này.

3. Hình thức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp: được thực hiện theo hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

4. Giảng viên hướng dẫn, nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn và trách nhiệm của bộ môn, khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

a. Giảng viên hướng dẫn:

- Cán bộ hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải có chức danh giảng viên và trình độ Thạc sĩ trở lên; có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, giảng dạy và lĩnh vực nghiên cứu, hướng dẫn.

- Một đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp chỉ có một giảng viên hướng dẫn. Trường hợp do quy mô, tính chất, đặc thù của đề tài..., Trường khoa có thể đề nghị Hiệu trưởng xem xét và giao đề tài cho một nhóm sinh viên, nhưng mỗi sinh viên phải thực hiện những nội dung khác nhau và có báo cáo riêng.

- Số lượng tối đa đề án, khóa luận tốt nghiệp do một giảng viên hướng dẫn trong một năm học như sau:

Số TT	Chức danh	Số lượng đề tài tối đa
1	Giáo sư, Phó giáo sư	8 đề tài
2	Giảng viên cao cấp	7 đề tài
3	Giảng viên chính có trình độ Tiến sĩ	6 đề tài
4	Giảng viên chính có trình độ Thạc sĩ; giảng viên có trình độ Tiến sĩ	5 đề tài (không quá 3 đề tài/HK)
5	Giảng viên có trình độ Thạc sĩ	4 đề tài (không quá 3 đề tài/HK)
6	(Trường hợp đặc biệt, Trường khoa đề nghị Hiệu trưởng quyết định)	

b. Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn:

Giảng viên hướng dẫn chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn sinh viên làm đề cương, duyệt đề cương, hướng dẫn sinh viên thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện đề tài được giao; tiếp thu, giải quyết và báo cáo Khoa những đề nghị của sinh viên về điều chỉnh hoặc thay đổi tên, nội dung và nơi thực hiện đề án, khóa luận tốt nghiệp nếu có; hướng dẫn sinh viên viết và trình bày báo cáo đề án, khóa luận theo quy định chung của Khoa và nhà trường;

Báo cáo Trường bộ môn về tình hình thực hiện đề án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được giao hướng dẫn 1 lần/ tuần;

Viết bản nhận xét, đánh giá đề án, khóa luận của sinh viên được hướng dẫn, nộp đồng thời với quyển đề án, khóa luận về bộ môn theo thời hạn quy định;

Tham gia chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên khi được giao thực hiện;

Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu sinh viên vắng không phép 3 buổi làm việc liên tiếp, hoặc tổng số các buổi vắng không liên tiếp chiếm tỉ lệ $\geq 30\%$ tổng số buổi làm việc theo quy định, hoặc không thực hiện đầy đủ các yêu cầu và nhiệm vụ mà giảng viên hướng dẫn đề ra, hoặc không đảm bảo tiến độ hoàn tất đề tài, khóa luận tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có quyền từ chối hướng dẫn sinh viên, trả sinh viên về cho khoa xử lý theo hình thức đình chỉ việc thực hiện đề án, khóa luận tốt nghiệp.

c. Trách nhiệm của Trưởng bộ môn:

Trực tiếp quản lý sinh viên làm đề án, khóa luận tốt nghiệp được Trường khoa giao;

Giới thiệu và phân công giảng viên đủ tiêu chí hướng dẫn sinh viên làm đề án, khóa luận tốt nghiệp;

Soạn thảo Quyết định về việc giao đề án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên (03 bản) trình Trường khoa phê duyệt; một bản cho giảng viên hướng dẫn, một bản bộ môn quản lý và một bản sinh viên nhận để thực hiện;

Giải quyết các trường hợp sinh viên gặp trở ngại trong thời gian làm đồ án, khóa luận như: điều chỉnh tên đề tài; thay đổi đề tài; địa điểm thực hiện; giảng viên hướng dẫn; rút ngắn hay gia hạn thời gian; dừng làm đồ án, khóa luận chuyển sang đăng ký các học phần chuyên môn,...

Định kỳ hàng tháng báo cáo Trưởng khoa tình hình thực hiện đồ án, khóa luận của sinh viên do bộ môn quản lý 2 lần/ tháng;

Đề xuất danh sách giảng viên đủ điều kiện tham gia đánh giá đồ án, khóa luận, để Trưởng khoa tổng hợp trình Hiệu trưởng quyết định;

Tổ chức đánh giá và xử lý kết quả sau khi kết thúc đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp và báo cáo điểm đồ án, khóa luận về khoa và phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên chậm nhất là 3 tuần kể từ ngày sinh viên nộp báo cáo đồ án, khóa luận và phải công bố công khai kết quả cho sinh viên biết.

d. Trách nhiệm của Trưởng khoa:

Xét duyệt sinh viên đăng ký có đủ điều kiện làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo quy định;

Giao cho Trưởng bộ môn trực tiếp quản lý sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp do giảng viên của bộ môn hướng dẫn;

Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình Hiệu trưởng ra quyết định;

Phân công giảng viên đủ điều kiện phản biện báo cáo đồ án, khóa luận của sinh viên.

Đề xuất danh sách giảng viên đủ điều kiện đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

a. Mỗi sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) sau khi hoàn thành đề tài theo đúng mẫu quy định của nhà trường và được giảng viên hướng dẫn chấp thuận phải nộp đề tài về khoa, khoa phân công giảng viên phản biện đề tài và đề xuất thành phần Hội đồng đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp trước 1 tuần. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở đề xuất của các khoa chuyên ngành. Hội đồng đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp có từ 3-5 thành viên, trong đó thành phần bắt buộc có: 1 Chủ tịch hội đồng, 1 Thư ký hội đồng và 1 Ủy viên phản biện; Hội đồng chỉ được thực hiện khi có đủ số thành viên bắt buộc theo quy định. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên là điểm trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên hội đồng. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố công khai sau mỗi buổi bảo vệ.

b. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 22 của quy định này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

c. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

2. Quy trình đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp:

a. Thư ký Hội đồng thông báo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp, giới thiệu đại biểu (nếu có);

b. Chủ tịch Hội đồng thông báo số lượng các thành viên có mặt và điều hành các nội dung công việc (nếu đủ số thành viên theo quy định);

c. Sinh viên trình bày nội dung đồ án, khoá luận tốt nghiệp trong thời gian không quá 15 phút;

d. Ủy viên phản biện nhận xét;

e. Hội đồng đặt câu hỏi và sinh viên trả lời;

f. Giảng viên hướng dẫn nhận xét về tinh thần, thái độ, tác phong làm việc, kết quả nghiên cứu và kiến thức của sinh viên (nếu giảng viên hướng dẫn vắng mặt, Thư ký hội đồng đọc nhận xét thay);

g. Hội đồng họp kín và thống nhất điểm đánh giá;

h. Chủ tịch hội đồng kết luận về kết quả đồ án, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

Kết luận của chủ tịch hội đồng là kết luận cuối cùng.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của quy định này;

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất (hoặc hoàn thành học phần giáo dục thể chất);

e. Có chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học đầu ra theo quy định của nhà trường;

f. Có đơn gửi phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1, Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Quản lý học sinh, sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c. Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d. Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 1, Điều 26 của quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất (hoặc chưa hoàn thành học phần Giáo dục thể chất), chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 3, Điều 16 của quy định này.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi học hộ, thi hộ hoặc nhờ người khác học hộ, thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Nhà trường lập kế hoạch và xây dựng lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường.

2. Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường.

3. Tổ chức đánh giá và công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của sinh viên sử dụng trong trường hợp chuyển trường, học liên thông hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn giữa các cơ sở đào tạo.

4. Để so sánh trong tuyển dụng, kết quả học tập toàn khoá của sinh viên đại học, cao đẳng giữa đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế được chuyển đổi tương đương theo hạng tốt nghiệp (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)/.
